

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ)

Biểu số 3

Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH**
MSDN: 0301897104

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Chánh, ngày 14 tháng 6 năm 2022

Số: 362 /DVCI

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1:

- Sản phẩm sản xuất chủ yếu là sản phẩm dịch vụ công ích

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2021 là 118.464 triệu đồng, đạt 95,02% kế hoạch năm và bằng 102,95% so cùng kỳ năm 2020. Năm 2021 tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến khối lượng thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, khối lượng giảm so với kế hoạch. Doanh thu năm 2021 tăng so với năm 2020 chủ yếu do doanh thu khối xây dựng cơ bản tăng, phần khối lượng dở dang năm 2020 nghiệm thu trong năm 2021.

- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021 là 6.517 triệu đồng, đạt 121,07% kế hoạch năm và bằng 88% so với cùng kỳ 2020. Doanh thu năm 2021 đạt 95,02% kế hoạch nhưng lợi nhuận đạt 121,07% kế hoạch do trong năm 2021 có khoản hoàn nhập dự phòng, giảm chi phí 2.126 triệu đồng. Lợi nhuận năm 2021 bằng 88 % so với năm 2020, trong năm 2021 có trích chi phí khấu hao phải hoàn trả ngân sách đối với tài sản thuộc 2 trạm ép rác kín Bình Chánh và Lê Minh Xuân 4.365 triệu đồng . Năm 2020 có khoản tăng lợi nhuận do tăng doanh thu hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và hoạt động quét gom rác đường phố năm 2018,... (do điều chỉnh đơn giá) số tiền: 3.850 triệu đồng.

- Doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2021 đạt 84,05% so với kế hoạch năm và giảm 7,81% so với năm 2020. Nguyên nhân giảm: tương ứng doanh thu, lợi nhuận.

- Doanh nghiệp hoàn thành tương đối so với kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

+ Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 3.457.964(T-Km), tương đương 44.301 triệu đồng, đạt 85,18% kế hoạch, giảm 1,42% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Hoạt động quét, thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 200.879.287(m²qui ước), tương đương 26.368 triệu đồng, đạt 104,31% kế hoạch, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2020.

2. Khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

a. Theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố, ngân sách nợ kinh phí hoạt động vận chuyển rác năm 2021 là 19.912.022.249 đồng.

b. Đơn giá chính thức công tác vận hành trạm ép rác kín năm 2015 đến năm 2017 chưa được ban hành. Khoản kinh phí mà ngân sách còn phải thanh toán cho công ty ghi nhận theo đơn giá tạm tính là 3.453.087.622 đồng.

c. Nhà sở hữu nhà nước:

- Tiền thuê đất nhà SHNN từ 07/2014 – 12/2020: 701.083.026 đồng. Tiền thu được từ việc cho thuê nhà sau khi khấu trừ chi phí quản lý công ty đã nộp ngân sách thành phố do Sở Tài chính quản lý. Tuy nhiên từ tháng 12/2020 đến nay Chi cục Thuế huyện Bình Chánh đã nhiều lần có văn bản truy thu tiền thuê đất nhà SHNN từ 07/2014 – 12/2020, số tiền 701.083.026 đồng, đến 04/2022 số tiền chậm nộp khoản thuê đất này là 96.217.562 đồng. Việc này công ty đã có báo cáo Sở Tài chính tại công văn số 567/DVCI-PKT-QLN ngày 17/09/2021. Hiện nay Công ty đang chờ hướng dẫn của Sở Tài chính.

- Số còn phải thu đến 31/12/2021 là 68.236.836 đồng. Công ty đã mời các hộ dân đến làm việc nhiều lần để ký hợp đồng thuê nhà và thanh toán tiền thuê nhà nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được khoản nợ này.

- Khoản phải nộp ngân sách từ việc thu tiền cho thuê nhà sở hữu nhà nước của hộ ông Nguyễn Văn Hiền số tiền 220.416.900 đồng. Đến nay vụ kiện vẫn chưa giải quyết xong, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đang thụ lý hồ sơ. Trong thời gian chờ phán quyết của Tòa án, công ty đã có văn bản số 728/DVCI ngày 10/7/2020, 268/DVCI ngày 13/5/2021 gửi Sở Tài chính về việc nộp tiền thuê nhà sở hữu nhà nước ông Nguyễn Văn Hiền.

d. Khu TĐC 30Ha Vĩnh Lộc B:

- Chi phí quản lý vận hành khu tái định cư 30ha, Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh từ năm 2015 đến năm 2021 chưa được quyết toán. Tổng chi phí quản lý vận hành giai đoạn 2015 – 2021 là 36.931.634.456 đồng. Công ty đã được ngân sách tạm ứng kinh phí phục vụ hoạt động quản lý vận hành năm 2015 – 2018 là 20.000.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch 16.931.634.456 đồng (36.931.634.456 đồng - 20.000.000.000 đồng), Công ty đã tạm ứng từ nguồn kinh phí hoạt động sản xuất kinh doanh để chi trả cho công tác quản lý vận hành từ 2015-2021. Hiện nay Công ty đang chờ Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh và các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

- Công ty chưa được cấp tiền thuế GTGT đối với nguồn kinh phí ngân sách cấp cho công tác quản lý vận hành khu tái định cư 30 ha Vĩnh Lộc B giai đoạn 2011 – 2014, số tiền 1.417.453.028 đồng.

- Trung tâm quản lý nhà và giám định Xây dựng chưa ban hành kế hoạch chính thức tiếp nhận Khu tái định cư 30 ha, Vĩnh Lộc B huyện Bình Chánh theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 18/01/2022.

e. Công nợ hoạt động cưỡng chế (tính đến 31/12/2021): Công nợ phải thu của các xã đối với những hợp đồng đã thực hiện là 1.968.149.000 đồng.

f. Công ty có ký hợp đồng số 219/2015/HĐ-XD ngày 07/10/2015 với Phòng Tài nguyên môi trường huyện Bình Chánh, công trình vớt rác, cỏ, lục bình các tuyến kênh rạch trên địa bàn huyện Bình Chánh số tiền 670.604.000 đồng (đã bao gồm VAT). Hiện nay khoản kinh phí mà ngân sách còn phải thanh toán cho công ty là 67.060.400 đồng.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
a)	Vận chuyển rác	Tấn-Km	4.059.491	3.457.964
b)	Quét, thu gom rác	m2 quy ước	192.580.896	200.879.287
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	124.669	118.464
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5.383	6.517
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4.306	5.954
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	7.837	6.587
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng		
7	Sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên			
a)	Vận chuyển rác	Tấn-Km	4.059.491	3.457.964
b)	Quét, thu gom rác	m2 quy ước	192.580.896	200.879.287
8	Tổng số lao động	Người	292	275
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	28,892	34,292
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,510	1,691
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	27,382	32,601

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN: không có

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP: không có

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
----	-----------	---------------------------	--------------------------	-------------------	--------------------	---	---

Dự án quan trọng quốc gia									
Dự án nhóm A									
Dự án nhóm B									

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: không có

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI: không có

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ										
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ										
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch-Đầu tư;
- UBND TPHCM;
- UBND HBC;
- KSV;
- Lưu VT.

